

**CÔNG TY TNHH SẴM LỚP Ô TÔ HOÀNG TRÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẴM LỚP Ô TÔ HOÀNG TRÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG TRA AUTO TIRES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG TRA AUTO TIRES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110653019

**3. Ngày thành lập:** 18/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 14, ngõ 68/177/64, đường Nguyễn Văn Linh, Tổ 14, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0944519235

Fax:

Email: [nguyenconghuat99@gmail.com](mailto:nguyenconghuat99@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                      | 4322     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                        | 4390     |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                        | 4511     |
| 4.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                | 4512     |
| 5.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) | 4513     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | <p>Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô:</li> <li>+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,</li> <li>+ Bảo dưỡng thông thường,</li> <li>+ Sửa chữa thân xe,</li> <li>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,</li> <li>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,</li> <li>+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,</li> <li>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,</li> <li>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế,</li> <li>+ Xử lý chống gỉ,</li> <li>+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất;</li> <li>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác:</li> <li>+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác,</li> <li>+ Bảo dưỡng thông thường,</li> <li>+ Sửa chữa thân xe,</li> <li>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,</li> <li>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp lắp đặt hoặc thay thế,</li> <li>+ Xử lý chống gỉ,</li> <li>+ Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất</li> </ul> | 4520        |
| 7.  | <p>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</p> <p>(Trừ hoạt động đầu giá)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</li> <li>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)</li> <li>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4530(Chính) |
| 8.  | <p>Bán mô tô, xe máy</p> <p>(Trừ hoạt động đầu giá)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4541        |
| 9.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4542        |
| 10. | <p>Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy</li> <li>- Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy</li> <li>- Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4543        |
| 11. | <p>Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại lý bán hàng hóa</li> <li>- Môi giới mua bán hàng hóa</li> </ul> <p>(Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4649 |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659 |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4669 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299 |
| 17. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình: Tủ lạnh, lò nấu, lò nướng, máy giặt, máy vắt, máy sấy quần áo, điều hòa nhiệt độ...                                                                                                                                                                                                                                 | 9522 |
| 18. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6312 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7020 |
| 20. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7310 |
| 21. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các hàng hóa nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 22. | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất ta lông lốp xe có thể thay được, vành lốp xe, sản xuất các tấm cao su dùng để đắp lại lốp cũ;<br>- Đắp lại lốp cũ, thay các tấm cao su trên các lốp xe hơi.                                                                                                                                                                        | 2211 |
| 23. | Sản xuất linh kiện điện tử<br>Chi tiết: Sản xuất tinh thể điện tử và lắp ráp tinh thể;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2610 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thiết bị âm thanh và video điện tử cho giải trí gia đình, xe có động cơ, hệ thống truyền thanh và thiết bị khuếch đại âm thanh;<br>- Sản xuất đầu máy video và thiết bị sao chép                                                                                                                                                                    | 2640 |
| 25. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị GPS                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2651 |
| 26. | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2720 |
| 27. | Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thân xe, gồm cabin cho xe có động cơ;<br>- Trang bị bên ngoài các loại xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;<br>- Sản xuất rơ moóc và bán rơ moóc như: Dùng để vận chuyển hàng hóa: tàu chở dầu, vận chuyển hành khách: rơ moóc có mui;<br>- Sản xuất contenơ vận chuyển bằng một hoặc nhiều phương thức vận tải. | 2920 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất các bộ phận và thiết bị thay đổi cho xe có động cơ như: Phanh, hộp số, trục xe, bánh xe, hệ thống giảm sóc, bộ tản nhiệt, giảm tnah, ống xả, xúc tác, khớp ly hợp, bánh lái, cột và hộp lái;<br>- Sản xuất thiết bị và phụ tùng cho thân xe có động cơ như: Dây an toàn, túi không khí, cửa sổ, hãm xung;<br>- Sản xuất ghế ngồi trong xe;<br>- Sản xuất thiết bị điện cho xe có động cơ như máy phát điện, máy dao điện, phích cắm sáng, hệ thống dây đánh lửa, hệ thống cửa sổ và cửa ra vào điện, lắp đặt các thiết bị đo lường vào động cơ, điều chỉnh nguồn điện... | 2930 |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4799 |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210 |
| 31. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5224 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5225 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5229 |
| 34. | Hoạt động viễn thông có dây<br>Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6110 |
| 35. | Hoạt động viễn thông không dây<br>Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông không dây                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6120 |
| 36. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3312 |
| 37. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3314 |
| 38. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3315 |
| 39. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3319 |
| 40. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3320 |
| 41. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>Thiết bị viễn thông.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4741 |
| 42. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4752 |
| 43. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4753 |
| 44. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4759 |
| 45. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN THỊ PHƯƠNG | Việt Nam  | Thôn Nại Khê, Xã Tiên Tiến, Huyện Phù Cừ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam      | 1.000.000.000         | 50,000    | 033197001610                                                                                            |         |
| 2   | PHAN VĂN LONG   | Việt Nam  | Thôn 8, Xã Bắc Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam        | 1.000.000.000         | 50,000    | 044091009662                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: PHAN VĂN LONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 14/10/1991      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 044091009662

Ngày cấp: 07/11/2021      Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn 8, Xã Bắc Trach, Huyện Bố Trach, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn 8, Xã Bắc Trach, Huyện Bố Trach, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội